

PHIẾU BÀI TẬP: LUYỆN TẬP CHUNG VỀ CỘNG TRỪ PHÂN SỐ

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Kết quả của phép tính $3 + \frac{1}{3}$ là:

A. $\frac{10}{3}$

B. $\frac{4}{3}$

C. $\frac{5}{3}$

D. $\frac{7}{3}$

Câu 2: Giá trị của biểu thức $2 - \frac{2}{5} + \frac{9}{10}$ là:

A. $\frac{9}{10}$

B. $\frac{5}{2}$

C. $\frac{7}{5}$

D. $\frac{25}{10}$

Câu 3: Tìm x biết: $x - \frac{2}{9} = \frac{1}{3}$

A. $x = \frac{5}{9}$

B. $x = \frac{3}{9}$

C. $x = \frac{1}{9}$

D. $x = \frac{3}{12}$

Câu 4: Phân số tối giản thích hợp điền vào ô trống là:

$\frac{5}{9} + \frac{?}{?} = \frac{25}{18} - \frac{3}{18}$
--

A. $\frac{6}{9}$

B. $\frac{7}{18}$

C. $\frac{8}{18}$

D. $\frac{2}{3}$

Câu 5: Mẹ dùng $\frac{1}{2}$ mảnh vườn trồng rau, $\frac{3}{10}$ mảnh vườn trồng hoa. Số phần vườn còn lại là:

A. $\frac{7}{10}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $\frac{1}{2}$

Câu 6: Kết quả của phép tính $4 + \frac{2}{5}$ là:

A. $\frac{22}{5}$

B. $\frac{6}{5}$

C. $\frac{15}{5}$

D. $\frac{8}{5}$

Câu 7: Phân số nào dưới đây lớn hơn $\frac{1}{2}$?

A. $\frac{2}{5}$

B. $\frac{4}{7}$

C. $\frac{3}{8}$

D. $\frac{5}{11}$

Câu 8: Kết quả của $\frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \frac{1}{12}$ là:

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{3}{12}$

C. 1

D. $\frac{5}{12}$

Câu 9: Rút gọn phân số $\frac{15}{25}$ ta được phân số tối giản là:

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{2}{3}$

C. $\frac{1}{5}$

D. $\frac{5}{3}$

Câu 10: Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

A. $\frac{6}{9}$

B. $\frac{7}{8}$

C. $\frac{10}{15}$

D. $\frac{12}{18}$

Câu 11: Tính: $\frac{11}{12} - \frac{1}{4} - \frac{1}{6}$. Kết quả là:

A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{9}{12}$

C. $\frac{5}{12}$

D. $\frac{1}{3}$

Câu 12: Chu vi hình chữ nhật có chiều dài $\frac{4}{5}$ m và chiều rộng $\frac{1}{2}$ m là:

A. $\frac{13}{5}$ m

B. $\frac{13}{10}$ m

C. $\frac{5}{7}$ m

D. $\frac{4}{10}$ m

Câu 13: Điền vào chỗ trống: $\frac{2}{5} + \dots = 1$

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $\frac{5}{5}$

Câu 14: Giờ thứ nhất chảy được $\frac{1}{3}$ bể, giờ thứ hai chảy $\frac{2}{5}$ bể. Lượng nước còn thiếu là:

A. $\frac{11}{15}$ bể

B. $\frac{4}{15}$ bể

C. $\frac{1}{15}$ bể

D. $\frac{7}{15}$ bể

Câu 15: Chu vi tam giác có các cạnh lần lượt là $\frac{3}{4}$ m, $\frac{1}{2}$ m và $\frac{5}{8}$ m là:

A. $\frac{15}{8}$ m

B. $\frac{9}{14}$ m

C. $\frac{15}{4}$ m

D. $\frac{7}{8}$ m

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: Thực hiện phép tính

a) $\frac{8}{25} + \frac{3}{5} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{17}{30} - \frac{3}{10} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{11}{24} + \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

d) $\frac{7}{9} - \frac{17}{45} = \dots\dots\dots$

e) $\frac{5}{14} + \frac{1}{2} = \dots\dots\dots$

f) $\frac{21}{40} - \frac{1}{8} = \dots\dots\dots$

g) $\frac{2}{3} + \frac{4}{15} = \dots\dots\dots$

h) $\frac{19}{24} - \frac{5}{12} = \dots\dots\dots$

i) $5 + \frac{3}{8} = \dots\dots\dots$

k) $\frac{13}{6} - 2 = \dots\dots\dots$

Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$\frac{1}{8} + \frac{19}{24} + \frac{7}{8} + \frac{5}{24}$

Bài 3: Giải bài toán:

Mẹ mua cho Hằng một cuốn sách. Ngày thứ nhất Hằng đọc được $\frac{1}{5}$ cuốn sách. Ngày thứ hai Hằng đọc được ít hơn ngày thứ nhất $\frac{1}{15}$ cuốn sách. Hỏi còn bao nhiêu phần cuốn sách Hằng chưa đọc?

Bài 4: Hình học:

Tính chu vi hình chữ nhật ABCD có chiều dài $\frac{7}{3}$ m và chiều rộng $\frac{5}{6}$ m.



